

Số: 3619/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 13 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55; 57; 81; 82; 83; 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, thụ lý số 1593/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, gồm:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1988

Căn cước công dân số: A

Địa chỉ: số nhà 192/8 đường M, Khu phố x, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Quốc T1, sinh năm 1986

Căn cước công dân số: B

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Lê Quốc T1 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 03/8/2010.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/9/2023, bà T, ông T1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Ngọc Quỳnh T2, sinh ngày 13/12/2011 và Lê Ngọc Thanh T3, sinh ngày 04/6/2015.

Ông Lê Quốc T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[3] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Lê Quốc T1 thuận tình ly hôn.

- Con chung: Giao hai con Lê Ngọc Quỳnh T2, sinh ngày 13/12/2011 và Lê Ngọc Thanh T3, sinh ngày 04/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Quốc T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, thực hiện từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Trường hợp ông Lê Quốc T1 không thực hiện việc cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Lê Quốc T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Lê Quốc T1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0004125 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CCTHADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ